

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu thực hiện phát triển
đối tượng tham gia bảo hiểm y tế năm 2016

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2012 - 2015 và 2020”; Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ Về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2015-2020;

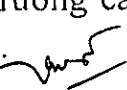
Căn cứ Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015 của HĐND tỉnh Khóa XI kỳ họp thứ 12 về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2016;

Theo đề nghị của Bảo hiểm Xã hội tỉnh tại Công văn số 113/BHXXH-VP ngày 18/02/2016 và đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 81/TTr-SYT ngày 23/02/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu thực hiện phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế năm 2016 cho các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Định theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp tổ chức triển khai thực hiện đạt chỉ tiêu được giao tại Điều 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VP, K1, K15. 



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục:

CHỈ TIÊU THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ NĂM 2016
(Kèm theo Quyết định số **565** /QĐ-UBND ngày **01 / 3** /2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)



ST T	Đơn vị	Năm 2015			Năm 2016		
		Dân số (người)	Số người tham gia BHYT	Tỷ lệ %	Dân số dự báo (người)	Số người tham gia BHYT	Tỷ lệ %
1	Thành phố Quy Nhơn	286.209	232.653	81,29	287.125	231.187	80,52
2	Huyện Tuy Phước	183.787	114.527	62,32	184.375	114.159	61,92
3	Thị xã An Nhơn	182.453	113.267	62,08	183.037	112.518	61,47
4	Huyện Phù Cát	192.015	138.945	72,36	192.629	135.189	70,18
5	Huyện Phù Mỹ	170.883	144.686	84,67	171.430	142.259	82,98
6	Huyện Hoài Nhơn	206.971	175.289	84,69	207.633	167.667	80,75
7	Huyện Tây Sơn	125.906	81.204	64,50	126.309	80.487	63,72
8	Huyện Hoài Ân	86.228	59.254	68,72	86.504	57.570	66,55
9	Huyện Vân Canh	26.620	26.620	100,00	26.705	26.532	99,35
10	Huyện Vĩnh Thạnh	33.530	33.530	100,00	33.637	33.461	99,48
11	Huyện An Lão	28.416	28.303	99,60	28.507	28.380	99,55
	Tổng cộng	1.523.018	1.148.278	75,39	1.527.891	1.129.409	73,92